

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thế Cần

2. Ông Nguyễn Gia Khải

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST ngày 30/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị N có mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Văn H tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q sinh sống từ tháng 02/2023 cho đến nay. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2023 mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn

nhân không đạt được chỉ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Tạ Thị Hải Y, sinh ngày 27/02/2003 và Tạ Thị Hải V, sinh ngày 05/01/2009. Ly hôn Chị N đề nghị con Y đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, Chị N xin nuôi con V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay Chị N làm nhân viên môi trường tại Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Phụ, thu nhập 1 tháng là 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Tạ Văn H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản lấy lời khai cháu Tạ Thị Hải V trình bày:* Cháu Tạ Thị Hải V, sinh ngày 05/01/2009 là con đẻ của chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn H. Hiện cháu V đang học lớp 8B trường Trung học cơ sở xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nếu Chị N, anh H ly hôn thì cháu V có nguyện vọng ở cùng chị Nguyễn Thị N.

- *Tại biên bản xác minh với ông Tạ Văn Cồn, bà Nguyễn Thị Xuyên (là bố mẹ đẻ anh H) thể hiện:* Chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 20/12/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình ông Cồn, bà Xuyên. Quá trình chung sống vợ chồng Chị N, anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H hay uống rượu không làm chủ được bản thân. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ngọc Quế 3, xã Q sinh sống từ tháng 02/2023 đến nay. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị N, anh H có 02 con chung là Tạ Thị Hải Y, sinh ngày 27/02/2003 và Tạ Thị Hải V, sinh ngày 05/01/2009. Ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Gia đình không nắm rõ.

Hiện nay anh H đi làm thợ xây dựng tại Quảng Ninh, anh H thường xuyên liên lạc về với gia đình. Gia đình ông, bà đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho anh H và thông báo cho anh H biết. Quan điểm của anh H là anh không đồng ý ly hôn với Chị N, còn việc giải quyết ly hôn như thế nào thì theo quy định của pháp luật.

- *Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Viết Nh là trưởng thôn Đ, ông Trịnh Xuân K cán bộ tư pháp xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 20/12/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, cơ sở thôn đã 02 lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hiện nay Chị N và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị N và anh H có 02 con

chung hiện đang ở cùng Chị N, ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị Gái là trưởng Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q. Quá trình chung sống Chị N, anh H có phát sinh mâu thuẫn, Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ngọc Quế 3, xã Q sinh sống từ tháng 02/2023 cho đến nay. Bố mẹ đẻ Chị N đang sinh sống trên căn nhà mái bằng diện tích khoảng 120 m², hiện tại chỉ có bộ mẹ đẻ Chị N cùng 2 con Chị N sinh sống trên ngôi nhà này. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Tạ Thị Hải Y, sinh năm 2003 và Tạ Thị Hải V, sinh năm 2009, ly hôn đề nghị giao con Vân cho Chị N nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị N, anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/12/2001 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay không hồi hàn, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị N đề nghị ly hôn nhưng anh H không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn H có 02 con chung là Tạ Thị Hải Y, sinh ngày 27/02/2003 và Tạ Thị Hải V, sinh ngày 05/01/2009. Ly hôn Chị N đề nghị con Yến đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng, Chị N nhận nuôi con Vân và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Vân cũng có nguyện vọng được ở cùng Chị N. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị N là chính đáng, Chị N có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con Tạ Thị Hải V, sinh ngày 05/01/2009; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N, anh Tạ Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Tạ Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con Tạ Thị Hải V, sinh ngày 05/01/2009; anh Tạ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0005815 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/7/2023). Anh Tạ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh